

Số: 697/2024/QĐST-HNGĐ

Phú Nhuận, ngày 24 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 628/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1982;
Địa chỉ: 63/2 H, Phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn*: Bà Lê Đặng Minh N, sinh năm 1982;
Địa chỉ: 63/2 H, Phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Minh T và bà Lê Đặng Minh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số YY ngày 25/4/2006 do Ủy ban nhân dân Phường Y, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Minh T và bà Lê Đặng Minh N không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Minh T và bà Lê Đặng Minh N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Phạm Minh T và bà Lê Đặng Minh N có hai con chung tên Phạm Lê Minh H, sinh ngày 20/9/2007 và Phạm Lê Hồng A, sinh ngày 08/01/2012.

Giao hai con chung tên Phạm Lê Minh H và Phạm Lê Hồng A cho bà Lê Đặng Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông Phạm Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng một con mỗi tháng, thi hành vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông Phạm Minh T không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Lê Đặng Minh N có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày bà Lê Đặng Minh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Minh T chưa trả hết tiền cấp dưỡng thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, ông Phạm Minh T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029560 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho ông Phạm Minh T số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường Y, quận P;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Lê Ninh